TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 83/2021/QĐST-HNGĐ	*Phú Mỹ, ngày 19 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 35, Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 177/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc "*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986

Ông Trần Đình Đ, sinh năm 1980

HKTT: Thôn Đ, xã MT, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

Cùng địa chỉ: Tổ 1, khu phố V, phường PM, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Đình Đ chung sống với nhau từ năm 2006. Ông, bà có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện HH, tỉnh Thái Bình vào ngày 25/12/2006. Ông Đ, bà T thừa nhận vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông, bà đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Tòa án đã hòa giải, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng ông, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được thuận tình ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Đ, bà T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Đình Đ xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Đình T1, sinh ngày 06/7/2007 và cháu Trần Đình D, sinh ngày 02/02/2012. Hai cháu hiện đang sống với bà T. Ông, bà

thỏa thuận giao hai cháu cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà Thúy tự nguyện không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay cháu T1 và cháu D đang sống với bà T, nguyện vọng của hai cháu muốn sống với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần của các cháu cần chấp nhận giao các con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Đình Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Đình Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Đình Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Đình Đ xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Đình T1, sinh ngày 06/7/2007 và cháu Trần Đình D, sinh ngày 02/02/2012. Bà T và ông Đ thỏa thuận giao cháu T1 và cháu D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Bà Thúy tự nguyện không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Đình Đ được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Đình Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Đình Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0006475 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã C, huyện HH, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nhung